

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường từ trung tâm đô thị Bồng, huyện Vĩnh Lộc nối Đường tỉnh 516B ra Quốc lộ 217 đi huyện Hà Trung

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 04/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 141/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 về chủ trương đầu tư; số 527/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Đường từ trung tâm đô thị Bồng, huyện Vĩnh Lộc nối Đường tỉnh 516B ra Quốc lộ 217 đi huyện Hà Trung;

Căn cứ Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Dự án Đường từ trung tâm đô thị Bồng, huyện Vĩnh Lộc nối Đường tỉnh 516B ra Quốc lộ 217 đi huyện Hà Trung;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4884/TTr-SGTVT ngày 14/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Công trình: Đường từ trung tâm đô thị Bồng, huyện Vĩnh Lộc nối Đường tỉnh 516B ra Quốc lộ 217 đi huyện Hà Trung, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Thông tin về dự án

- Dự án Đường từ trung tâm đô thị Bông, huyện Vĩnh Lộc nối Đường tỉnh 516B ra Quốc lộ 217 đi huyện Hà Trung được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 với quy mô xây dựng mới 6,31km đạt tiêu chuẩn quy mô đường phố chính đô thị thứ yếu TCXDVN 104-2007 có $B_n=17m$, $B_m=15m$, $B_l=2 \times 1,0=2,0m$ theo quy hoạch chung xây dựng đô thị Bông. Tốc độ thiết kế $V_{tk}=50km/h$; tổng mức đầu tư là 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng); Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương 117,6 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh 29,4 tỷ đồng; vốn ngân sách huyện Vĩnh Lộc và các nguồn huy động hợp pháp khác 53 tỷ đồng; thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2025.

- Tình hình triển khai thực hiện:

+ Về công tác giải phóng mặt bằng: Đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng đoạn Km0 - Km4+790, còn lại đoạn từ Km4+790 đến cuối tuyến chưa GPMB do đang thực hiện điều chỉnh thiết kế cơ sở.

+ Về tình hình triển khai thi công: Dự án có 01 gói thầu xây lắp, nhà thầu trúng thầu là Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Tân Sơn - Công ty TNHH Xây lắp điện và Xây dựng thủy lợi Thăng Bình thực hiện theo hợp đồng số 08/2023/HĐLD-TCXD ngày 27/3/2023 và các phụ lục hợp đồng với giá trị là 144.645.200.000 đồng, hình thức hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, thời gian thực hiện hợp đồng là 910 ngày. Đến nay, dự án đã thi công hoàn thành hạng mục nền đường $K \geq 0,98$ đoạn Km0 - Km4+400, trong đó đoạn từ Km2+00 - Km3+800 đã thi công lớp CPĐD loại I; hệ thống thoát nước ngang, dọc; cầu tại Km2+510 qua kênh Đa Bút.

2. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình triển khai thực hiện giải phóng mặt bằng đoạn từ Km4+790 - Km6+300 với quy mô nền đường $B_n=17m$ gặp nhiều khó khăn do bên trái tuyến đã được quy hoạch khu dân cư xã Vĩnh Thịnh. Mặt khác, hiện nay đoạn tuyến từ Km4+790 đến nút giao đường bộ cao tốc Bắc Nam tại đô thị Hà Lĩnh đã được Bộ Giao thông vận tải đưa vào Dự án: Nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ (279, 4H và 217) kết nối với Bắc Lào và Trung Quốc, sử dụng vốn vay WB để đầu tư; sau khi được đầu tư hoàn thành thì tuyến mới sẽ là đoạn tuyến Quốc lộ 217 được cải dịch; theo đó, đoạn tuyến từ Km4+790 - Km6+300 thuộc dự án chỉ đóng vai trò là tuyến đường phục vụ dân sinh, kết nối giữa Quốc lộ 217 và Quốc lộ 217 cải dịch, nên để phù hợp với tình hình thực tế Hội đồng nhân dân tỉnh đã có Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án. Vì vậy, việc điều chỉnh dự án là phù hợp và cần thiết.

3. Nội dung điều chỉnh

3.1. Điều chỉnh thiết kế cơ sở

Giữ nguyên quy mô đoạn từ Km0 - Km4+790 như thiết kế cơ sở đã được phê duyệt; điều chỉnh đoạn từ Km4+790 đến cuối tuyến Km6+311 giao với Quốc lộ 217 tại Km12+670 đạt quy mô đường phố gom khu vực (Tiêu chuẩn

TCXDVN 104-2007) với chiều rộng nền đường $B_n=11,5m$, chiều rộng mặt đường $B_m=7,5m$, chiều rộng vỉa hè $B_h=2x2,0m$ theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh; nội dung điều chỉnh cụ thể như sau:

a) *Bình đồ, hướng tuyến*: Tuân thủ theo hướng tuyến đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 25/5/2022; điểm đầu đoạn tuyến điều chỉnh tại Km4+790 - ngã ba giao với đường DH14; điểm cuối Km6+311 giao với Quốc lộ 217 tại Km12+670.

b) *Trắc dọc tuyến*: Cao độ thiết kế trên cơ sở tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường và tần suất thủy văn tính toán, các điểm khống chế tại nút giao với các tuyến đường hiện có. Độ dốc dọc lớn nhất $I_m=0,62\%$

c) *Mặt cắt ngang tuyến*: Theo quy mô đường phố gom khu vực có chiều rộng nền đường $B_n=11,5m$, mặt đường $B_m=7,5m$, vỉa hè $B_h=2x2,0m$. Độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$, vỉa hè $i=2\%$ (hướng ra lòng đường).

d) *Nền đường*: Chủ yếu là nền đắp; những vị trí xử lý nền đất yếu được đào bỏ một phần đất yếu, gia cố lớp vỉa địa kỹ thuật, đắp trả bằng cát, phía trên đắp đất đồi đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; lớp sát đáy áo đường đầm lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$, dày 30cm; mái taluy đắp 1/1,5.

e) *Kết cấu áo đường*: Theo kết cấu được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 25/5/2022; cụ thể:

- Đối với các đoạn làm mới và mở rộng: Lớp BTN chặt C16 dày 6cm, lớp nhựa thấm bám TCN $1,0kg/m^2$; móng cấp phối đá dăm loại I dày 24cm, móng cấp phối đá dăm loại II dày 30cm.

- Đối với các đoạn trên mặt đường cũ láng nhựa: Lớp BTN chặt C16 dày 6cm, lớp nhựa thấm bám TCN $1,0kg/m^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 24cm và bù vênh dày trung bình 3cm.

f) Công trình thoát nước

- Thoát nước dọc tuyến bằng chảy tỏa và hệ thống rãnh dọc kín chữ nhật BTCT kích thước $(B \times H_{tb}) = (50 \times 60)cm$ đối với đoạn qua khu dân cư; kết cấu rãnh giữ nguyên như kết cấu đã được phê duyệt. Đoạn từ Km5+438,85 - Km5+546 bố trí rãnh hộp kín bằng BTCT nằm dưới nền đường để thu nước về công hộp tại Km5+438,45.

- Thoát nước ngang: Kết cấu như kết cấu đã được phê duyệt; công bằng bê tông và BTCT, móng đặt trên nền thiên nhiên. Vị trí, khẩu độ, bề rộng điều chỉnh phù hợp chiều rộng nền đường cụ thể.

- Hoàn trả kênh tiêu đoạn từ Km4+777 - Km5+438,85: Điều chỉnh thiết kế hoàn trả kênh từ trái tuyến sang phải tuyến để phù hợp với thực tế hiện trường do bên trái tuyến đã được quy hoạch khu dân cư xã Vĩnh Thịnh. Kết cấu kênh đoạn từ Km4+777 - Km5+00 bằng BTCT tiết diện chữ nhật kích thước $B \times H = (3,0 \times 2,25)m$; đoạn từ Km5+00 - Km5+438,85 hoàn trả bằng kênh đất tiết

diện hình thang với chiều rộng đáy kênh 3,0m; bề rộng mặt kênh 9,0; bề rộng bờ kênh 1,5m.

g) Nút giao, đường ngang, vỉa hè

- Nút giao tại Km4+777 - giao với đường ĐH14 (dạng ngã ba): Giữ nguyên theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.

- Nút giao với Quốc lộ 217 tại Km12+670: Điều chỉnh thiết kế vượt nổi theo hiện trạng.

- Đường ngang: Được vượt nổi, mở rộng tạo êm thuận và tăng cường an toàn giao thông; chiều rộng mặt đường theo đường hiện trạng; mặt đường bằng bê tông nhựa và bê tông xi măng.

- Vỉa hè: Lát đá trên lớp vữa XM M75 và bê tông móng M150.

h) An toàn giao thông: Bố trí hệ thống biển báo, vạch sơn tuân thủ theo QCVN 41:2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

(Chi tiết có hồ sơ kèm theo).

3.2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: **177.000.000.000** (Một trăm bảy mươi bảy tỷ đồng); cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung chi phí	TMĐT theo Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	TMĐT sau khi điều chỉnh cơ cấu giá trị các khoản mục chi phí	Chênh lệch: Tăng (+), giảm(-)
1	Bồi thường GPMB	37.294.690.000	24.855.490.000	-12.439.200.000
2	Xây dựng	136.521.207.000	133.194.000.000	-3.327.207.000
3	Quản lý dự án	2.163.241.000	2.110.519.000	-52.722.000
4	Tư vấn đầu tư xây dựng	6.424.461.000	6.429.726.000	5.265.000
5	Chi phí khác	3.484.201.000	3.481.286.000	-2.915.000
6	Dự phòng	14.112.200.000	6.928.979.000	-7.183.221.000
Tổng cộng		200.000.000.000	177.000.000.000	-23.000.000.000

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

3.3. Điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Từ “Vốn ngân sách Trung ương 117,6 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh 29,4 tỷ đồng; vốn ngân sách

huyện Vĩnh Lộc và các nguồn huy động hợp pháp khác 53 tỷ đồng” thành “Vốn ngân sách Trung ương 117,6 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh 29,4 tỷ đồng; vốn ngân sách huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác 30 tỷ đồng.”

3.4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về quyết định của mình.

- Sở Giao thông vận tải, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán,...) về kết quả thẩm định, tính chính xác, hợp pháp của nội dung hồ sơ dự án trình phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ TRUNG TÂM ĐÔ THỊ BÔNG, HUYỆN VINH LỘC NỐI ĐƯỜNG TỈNH 516B RA QUỐC LỘ 217 ĐI HUYỆN HÀ TRUNG

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	QĐ số 1798/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh ngày 25/5/2022	TMĐT SAU ĐIỀU CHỈNH	CHÊNH LỆCH (-) GIẢM (+) TĂNG
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB, HỖ TRỢ TĐC		37.294.690.000	24.855.490.000	- 12.439.200.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG		136.521.207.000	133.194.000.000	- 3.327.207.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	121.085.454.545 x 1,743%	2.163.241.000	2.110.519.000	- 52.722.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		6.424.461.000	6.429.726.000	5.265.000
1	Chi phí khảo sát, lập Báo cáo NCKT	Quyết định số 32/QĐ-BQLDA ngày 21/01/2022 của Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	1.360.976.000	1.360.976.000	-
2	Chi phí khảo sát lập thiết kế bản vẽ thi công	Quyết định số 259/QĐ-BQLDA ngày 08/9/2022 của Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	569.774.000	2.030.774.000	- 84.675.000
3	Chi phí lập hồ sơ cắm cọc GPMB		127.220.000		
4	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công		1.418.455.000		
5	Chi phí lập đề cương, nhiệm vụ khảo sát:				
-	Bước lập báo cáo NCKT	Quyết định số 357/QĐ-BQLDA ngày 26/12/2022 của Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	24.292.000	24.292.000	-
-	Bước lập thiết kế BVTC		17.093.000	17.093.000	-
4	Chi phí giám sát khảo sát				-
-	Bước lập báo cáo NCKT	Quyết định số 357/QĐ-BQLDA ngày 26/12/2022 của Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	32.972.000	32.972.000	-
-	Bước lập thiết kế BVTC		23.201.000	23.201.000	-
5	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán	Quyết định số 274/QĐ-BQLDA ngày 07/10/2022 của Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	218.434.000	218.400.000	- 34.000

6	Giám sát thi công xây dựng	121.085.454.545 x 1,1 x 1,616%	2.196.626.000	2.152.415.040	- 44.210.960
7	Chi phí lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu:				
-	Gói thầu tư vấn lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập báo cáo NCKT	Quyết định số 255/QĐ-BQLDA ngày 02/12/2021 của Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	10.628.000	10.628.000	-
-	Các gói thầu tư vấn, xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	Quyết định số 178/QĐ-BQLDA ngày 06/7/2022 của Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	135.814.000	135.800.000	-14.000
8	Phí thẩm định HSMT và KQ lựa chọn nhà thầu				
-	Gói thầu tư vấn lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập báo cáo NCKT	Quyết định số 255/QĐ-BQLDA ngày 02/12/2021 của Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	2.000.000	2.000.000	-
-	Các gói thầu tư vấn	Quyết định số 357/QĐ-BQLDA ngày 26/12/2022 của Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	4.312.000	4.312.000	-
-	Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)		136.863.000	136.863.000	-
9	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 173/QĐ-BQLDA ngày 28/6/2022 của Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	145.801.000	280.000.000	134.199.000
V	CHI PHÍ KHÁC		3.484.201.000	3.481.286.000	-2.915.000
1	Chi phí kiểm toán độc lập	170.080.964.000 x 0,318%	626.339.000	540.857.466	-85.481.534
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	170.080.964.000 x 0,5 x 0,200%	187.684.000	170.080.964	-17.603.036
3	Bảo hiểm xây dựng công trình	121.085.454.545 x 1,1 x 0,250%	341.303.000	332.985.000	-8.318.000
4	Phí thẩm định Báo cáo NCKT	Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	10.000.000	10.000.000	-
5	Phí thẩm định thiết kế BVTC	121.085.454.545 x 0,5 x 0,0157%	9.681.000	9.505.208	-175.792
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng	121.085.454.545 x 0,5 x 0,0153%	9.494.000	9.263.037	-230.963
7	Thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường	407.600 (m3) x (49000 x 7% + 2000) đ/m3	1.737.600.000	1.737.600.000	-

8	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ (30tr/ha)	Quyết định số 293/QĐ-BQLDA ngày 02/11/2022 của Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Lộc	512.100.000	510.391.000	-1.709.000
9	Chi phí đảm bảo ATGT	Quyết định số 357/QĐ-BQLDA ngày 26/12/2022 của Ban QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Lộc		110.603.000	110.603.000
10	Chi phí kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước	Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	50.000.000	50.000.000	-
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		14.112.200.000	6.928.979.000	-7.183.221.000
	TỔNG CỘNG	(I+II+III+IV+V+VI)	200.000.000.000	177.000.000.000	-23.000.000.000